

Số: 182/2022/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số công trình, dự án xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTG ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung, công việc xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai

đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương) thực hiện một số công trình, dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã thuộc Chương trình và các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Cao Phong và huyện Yên Thủy).

b) Người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ vốn thực hiện các công trình, dự án theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hàng năm của các cơ quan, đơn vị địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ không quá một lần cho hợp tác xã trước đây chưa được hỗ trợ đối với chính sách hỗ trợ hạ tầng chế biến sản phẩm theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

3. Mức hỗ trợ quy định tại Khoản 3, Điều 3 là mức hỗ trợ tối đa cho các công trình, dự án theo tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, ủy ban nhân dân các xã, huyện, thành phố, các tổ chức được giao quản lý, thực hiện Chương trình có trách nhiệm thực hiện lồng ghép và huy động bổ sung nguồn lực hợp pháp khác (đóng góp tự nguyện, hợp pháp, của người dân, doanh nghiệp và tổ chức cá nhân trong, ngoài nước;...) để thực hiện hiệu quả Chương trình. Đối với các xã vùng CT229 không huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Mức hỗ trợ cho từng công trình, dự án được cân đối, bố trí theo kế hoạch giao hàng năm, trên cơ sở tổng số vốn hỗ trợ của cả giai đoạn 2021-2025, không vượt tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 của các địa phương (xã, huyện) và không vượt hạn mức từng nội dung nhiệm vụ thành phần của kế hoạch trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Đối với nguồn vốn kế hoạch năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022, thực hiện theo cơ chế hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.

2. Đối với nguồn vốn kế hoạch năm 2022, ngoài số vốn ngân sách nhà nước đã giao, ủy ban nhân dân các xã, huyện, thành phố, các tổ chức được giao quản lý, thực hiện các công trình, dự án chủ động thực hiện lồng ghép và huy động bổ sung các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành hiệu quả nhiệm vụ được giao.

3. Đối với nguồn vốn kế hoạch năm 2023-2025

Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho các công trình, dự án thuộc Chương trình như sau:

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa đối với các xã vùng CT 229, thôn đặc biệt khó khăn (%)	Mức hỗ trợ tối đa đối với các xã còn lại (%)
1	Công trình giao thông.		
1.1	<i>Đường xã.</i>	85	75
1.2	<i>Đường thôn bản, liên thôn bản, ngõ xóm; đường trục chính nội đồng.</i>	75	50
2	Hệ thống thủy lợi nội đồng.	85	75
3	Hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai (công trình xử lý chống sạt lở, khắc phục thiên tai).	95	90
4	Xây dựng trường học đạt chuẩn.	95	90
5	Xây dựng trạm y tế xã đạt chuẩn.	95	90
6	Công trình thể thao văn hóa.		
6.1	<i>Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng.</i>	90	80
6.2	<i>Trung tâm thể thao, công trình thể thao xã.</i>	80	70
6.3	<i>Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cấp xã.</i>	75	60
6.4	<i>Nhà văn hóa thôn xóm.</i>	75	50
6.5	<i>Công trình thể thao thôn xóm.</i>	60	50
7	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.	90	75
8	Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn.		

8.1	Công trình thoát nước khu dân cư tập trung.	90	75
8.2	Điểm thu gom rác thải thôn xóm.	75	60
8.3	Xây dựng điểm tập trung xử lý rác thải, lò đốt rác thải của xã.	90	80
8.4	Cải tạo nghĩa trang.	60	40
8.5	Cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp (vía hè, điện chiếu sáng trực chính, các hạng mục vệ sinh môi trường).	50	30
9	Cơ sở hạ tầng cho hệ thống thông tin truyền thông.	95	90
10	Hệ thống lưới điện nông thôn.	50	30
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã.	75	60
12	Xây dựng sở hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp.		
12.1	Ngoài hàng rào (giao thông, cấp điện, cấp nước).	75	60
12.2	Trong hàng rào (xử lý chất thải, vệ sinh môi trường)	50	30
13	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã theo Mục 5, Phần III, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	80	70
14	Hỗ trợ cho các công trình, dự án hạ tầng phục vụ sản xuất, phục vụ các hoạt động của cộng đồng, các công trình phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt đối với các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tiêu chí cấp huyện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)		75

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, thay đổi Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT; Tài chính; KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND(M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình